TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/**2022/DS-ST
Ngày: 22-4-2022
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Thêm

2. Ông Phan Quang Đáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28A/2021/TLST-DS ngày 17/12/2021 về "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thu S** (Cà N), sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện Vĩnh Thuận - Kiên Giang.

2 Bị đơn. Ông **Thái Văn L** (L), sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2021; biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà **Trần Thu S** trình bày:*

Ngày 10/5/2019 bà có mở dây hụi 2.000.000 đồng, hụi 30 phần, mỗi tháng mở một lần vào ngày 30 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần

1.000.000 đồng). Ông Thái Văn L tham gia 01 phần và có góp hụi sống được 02 lần, đến lần thứ 03 thì lĩnh hụi. Sau khi lĩnh hụi ông L không góp hụi chết cho bà được đồng nào. Do đó dây hụi này ông L còn nợ lại bà 27 lần hụi chết x 2.000.000đ/lần = 54.000.0000 đồng. Bà có đến nhà đòi nhiều lần nhưng ông L chưa trả tiền cho bà. Dây hụi này đến Ny đã mãn vào ngày 10/9/2021.

Trước đây bà khởi kiện yêu cầu ông Thái Văn L phải trả cho bà số tiền hụi chết còn thiếu là 54.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu ông L phải trả lãi cho bà từ ngày 05/9/2021 đến ngày Tòa án xét xử.

Tuy nhiên, do nhầm lẫn lần bỏ hụi để lĩnh của ông L là lần thứ 4, nên còn nợ lại 26 lần hụi chết. Do đó, nay bà chỉ khởi kiện buộc ông L phải trả số tiền hụi chết còn nợ là 52.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời ngày 17/02/202 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông **Thái Văn L** trình bày:*

Xác định có tham gia góp hụi ngày 10/5/2019 do bà S làm chủ, hụi 2.000.000 đồng, hụi một tháng khui một lần vào ngày 10, có 30 phần hụi. Ông tham gia 01 phần, góp được 03 lần hụi sống, đến lần thứ 04 thì lĩnh hụi nhưng ông không có nhận tiền mà trừ nợ với bà S. Từ khi lĩnh hụi đến nay thì không góp hụi chết cho bà S, còn nợ lại bà S 26 lần hụi chết bằng 52.000.000 đồng.

Nay xác định chỉ thiếu bà S 52.000.000 đồng tiền hụi chết và sẽ tiếp tục thỏa thuận với bà S.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Trần Thu S có ý kiến: Xác định ông Thái Văn L có vợ, nhưng việc tham gia góp hụi chỉ có ông L tham gia nên chỉ khởi kiện buộc ông L phải trả cho bà số tiền hụi chết còn thiếu là 52.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Thái Văn L có ý kiến: Thừa nhận có tham gia góp hụi và đã hốt hụi, nhưng không nhận tiền mà bà S trừ toàn bộ vào khoản tiền vay trước đó của ông, ông không mang tiền về nhà đồng nào. Dây hụi này xác định chỉ có 25 phần, không phải 30 phần. Do đó, nay chỉ đồng ý trả 5.000.000 đồng là tiền vay gốc, không đồng ý trả thêm khoản nào khác. Không yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ gì.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thu S, bị đơn ông Thái Văn L trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như: nguyên đơn bà Trần Thu S không tham gia phiên tòa xét xử lần thứ nhất; bị đơn ông Thái Văn L không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Thái Văn L phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thu S số tiền hụi còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn ông Thái Văn L biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi"* của nguyên đơn bà Trần Thu S, nhưng bị đơn ông L không có ý kiến gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông L, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông L vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,...đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn bà S khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông L phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu và quá trình thu thập chứng cứ bị đơn cũng thừa nhận. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi* và ông L có nơi cư trú tại khu phố Vĩnh Đông 2, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm Ny, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn bà Trần Thu S với bị đơn ông Thái Văn L có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau và hiện bị đơn ông L còn nợ nguyên đơn bà S số tiền hụi còn thiếu là 52.000.000 đồng. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

Tại phiên tòa bị đơn ông Thái Văn L có cung cấp 01 tờ giấy hụi (bản photo) để chứng minh dây hụi ông tham gia do bà S làm chủ chỉ có 25 phần. Giấy hụi thể hiện có 02 dây, mỗi dây (dây 1, dây 2) đều là hụi 2.000.000 đồng,

áp ngày 10/5/2019 âm lịch, mỗi dây đều có 25 phần. Tuy nhiên, giấy hụi này không có chữ ký hay chữ viết tên nào của nguyên đơn bà Trần Thu S và cũng không có bất kỳ chữ viết nào của ai khác. Đồng thời nguyên đơn bà S xác định đây không phải là giấy hụi của bà; bản thân ông L không xác định được ông Tham gia dây nào, hơn nữa theo ông cho biết ở địa phương thường gọi ông là *Thái L*, còn trong danh sách hụi dây 1 ở số thứ tự số 25 tên *Út L,* ông L khẳng định không yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ đối với giấy hụi này.

Từ những đánh giá, phân tích trên không có căn cứ để xác định dây hụi ông L tham gia do bà S làm chủ chỉ có 25 phần như ông L nêu ra.

Do đó, hiện nay bị đơn ông Thái Văn L phải trả số tiền hụi còn thiếu đối với nguyên đơn bà Trần Thu S là **52.000.000đ** (Năm mươi hai triệu đồng), vì đây là nghĩa vụ của thành viên góp hụi đối với chủ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[4] Về thời gian và phương thức thực hiện việc trả nợ, các đương sự không thống nhất được với nhau nên HĐXX quyết định trách nhiệm của bị đơn ông Thái Văn L phải trả nợ cho nguyên đơn bà Trần Thu S theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị đơn ông L phải chịu **2.600.000** đồng (52.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Thái Văn L phải trả cho bà Trần Thu S **52.000.000đ** (Năm mươi hai triệu đồng) tiền hụi còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thu S, nếu ông Thái Văn L không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà S thì hàng tháng ông L còn phải trả tiền lãi cho bà S theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468

của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Thái Văn L phải chịu **2.600.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Trần Thu S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thu S 1.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003643 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND TT B;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh